

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HSST
Ngày: 02-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh;
2. Ông Nguyễn Viết Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ong Thị Ngọc Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2019/HSST ngày 19 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 và Thông báo số 33/TB-TA ngày 18 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Bùi Thanh S**, sinh năm 1993, tại Đồng Tháp;
- Nơi thường trú: Tổ A, ấp B, xã TM, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12;
- Cha: Bùi Văn Q.(đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị S;
- Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo nhỏ nhất trong gia đình;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Võ Văn T, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Võ Ngọc Công Ch, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường B, ấp C, xã D, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Lai Ngọc Tr, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 02/2019, Bùi Thanh S lên mạng xã hội Facebook dùng tên liên lạc “ChuyênHàngNôngNghệ” số điện thoại 0931.799.554 tìm gặp địa chỉ "Văn Chung cvct" số điện thoại 0866.060.638 nhận làm giấy tờ giả, S liên hệ đặt làm 01 Chứng minh nhân dân và 01 Sổ hộ khẩu với giá 4.000.000 đồng. S gửi ảnh, cung cấp đầy đủ thông tin thật của bản thân và những nhân khẩu trong hộ khẩu gia đình, sau khi cung cấp thông tin S chuyển đủ tiền vào tài khoản (không nhớ số tài khoản Ngân hàng nào) cho đối tượng làm giả. Qua chiều ngày hôm sau, thông qua dịch vụ xe khách Kim Cương tại thành phố Cao Lãnh, S nhận được Chứng minh nhân dân tên Bùi Thanh S và Sổ hộ khẩu gia đình.

Ngày 21/02/2019, S đến dịch vụ cho thuê xe tự lái Minh Ch do chị Võ Ngọc Công Ch làm chủ, địa chỉ: đường B, ấp C, xã D, thành phố Sa Đéc thuê 01 xe mô tô SH Mode, biển số 66F1-545.64, số máy JF51E0574862, số khung 5148Y024155 trị giá 45.000.000 đồng, thời gian từ ngày 21/02/2019 đến ngày 17/3/2019, với giá 170.000đ/ngày, để làm phương tiện đi lại. S đưa Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu giả cho chị Ch làm hợp đồng và trả đủ tiền thuê 4.600.000 đồng, đồng thời đặt cọc 850.000 đồng, chị Ch giao xe cho S chạy về Phòng D, Nhà trọ Sinh viên tại số A, Phường D, thành phố Cao Lãnh nơi S thuê ở.

Do thiếu nợ không có tiền trả nên S tiếp tục liên hệ với địa chỉ làm giả giấy tờ trên làm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66F1-393.93 mang tên Bùi Thanh S và biển số giả 66M1-393.93 để gắn vào xe SH Mode đem cầm cố chiếm đoạt tiền để trả nợ. S cung cấp đầy đủ đặc điểm, số khung, số máy của xe SH Mode rồi chuyển khoản 1.500.000 đồng như đã thỏa thuận. Khoảng 14 giờ ngày 23/02/2019, S đến nhà xe Kim Cương tại thành phố Cao Lãnh nhận giấy xe và biển số như thông tin S đã đặt. Sau khi nhận được giấy tờ giả, S đã xóa hết mọi thông tin về địa chỉ này.

Đến ngày 25/02/2019, S tháo biển số thật 66F1-545.64 của xe mô tô SH Mode, gắn biển số giả 66M1-393.93 vào cùng giấy xe giả đến gặp chị Nguyễn Lai Ngọc Tr để nhờ giới thiệu giúp đỡ cầm xe (chị Tr không biết việc S đã làm giả giấy tờ và biển số xe), thì chị Tr dẫn đến dịch vụ cầm đồ T Hằng, địa chỉ: số 225 Điện Biên Phủ, tổ 47, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh do Võ Văn T, sinh năm 1972 làm chủ. S đưa xe, Giấy chứng nhận đăng ký giả và Chứng minh nhân dân photo tên Bùi Thanh S, anh Tú kiểm tra đồng ý cầm với số tiền 45.000.000 đồng, trong thời gian 01 tháng, lãi suất 03%/tháng. Có được tiền, S trả nợ hết 30.000.000 đồng còn lại 15.000.000 đồng cất giữ trong người.

Khi S và Tr vừa rời đi, ông T phát hiện giấy tờ và biển số xe không trùng khớp, mở cốp xe phát hiện bản photo chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển số 66F1-545.64 tên Võ Ngọc Công Ch, nghi vấn giấy tờ mà S cung cấp là

giả nên ông T trình báo Công an phường D phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh thu giữ toàn bộ tang vật xử lý theo thẩm quyền.

Tiến hành thu giữ vật chứng: Tại Phòng trọ S đang ở: 01 biển số 66F1-545.64; 01 biển số 65H1-189.05 là biển số mẫu giả gửi cho S xem trước.

Thu giữ của S: 15.000.000 đồng còn lại chưa kịp sử dụng; 01 Giấy chứng minh nhân dân giả và 05 bản photo; 01 hợp đồng cầm cố dịch vụ cầm đồ TH; 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái dịch vụ Minh Cha; 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng ACB; 01 Giấy đăng ký xe số 0035687 cấp ngày 25/12/2006 là giấy xe của anh Bùi Thanh Đ; 01 Giấy đăng ký xe số 0114170 cấp ngày 26/9/2004 là giấy xe của S đã bị mất trộm; 03 hợp đồng cầm cố Thủy Tỷ mà S cầm cố tài sản đã chuộc lại; 01 điện thoại Nokia là tài sản cá nhân; 01 điện thoại Oppo dùng liên hệ làm giấy tờ giả.

- Chị Chánh nộp: 01 Chứng minh nhân dân số 341630040, tên Bùi Thanh S, sinh năm 1993, đăng ký thường trú: Ấp Lợi An, xã TM, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, cấp ngày 6/07/2016, nơi cấp Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 Sổ hộ khẩu số 200179360, cấp ngày 4/9/2014, chủ hộ Bùi Văn Q, sinh năm 1955, ngụ tổ 19, ấp Lợi An, xã TM, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

* Kết luận giám định số 262/KL-KTHS ngày 04/4/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

1/ Sổ hộ khẩu số 200179360, họ và tên chủ hộ: Bùi Văn Quý, nơi thường trú: Tổ B, ấp C, xã D, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, ký hiệu A1 là giả;

2/ Hình dấu trên Sổ hộ khẩu ký hiệu A1 so với hình dấu mẫu ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do cùng một con dấu đóng ra;

3/ Chữ ký mang tên Nguyễn Văn S trên Sổ hộ khẩu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của ông Nguyễn Văn S trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do cùng một người ký ra.

4/ Giấy chứng minh nhân dân số 341630040, họ tên: Bùi Thanh S, sinh ngày 1993, nơi ĐKKK thường trú: Lợi An, Thanh Mỹ, Tháp Mười, Đồng Tháp, ký hiệu A2 là giấy giả;

5/ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010500, tên chủ xe Bùi Thanh S, địa chỉ: Lợi An, Thanh Mỹ, Tháp Mười, Đồng Tháp, biển số 66F1-393.93, ký hiệu A3 là giấy giả.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng:

1/ Trả lại cho Võ Ngọc Công Chánh 01 xe mô tô SH Mode và 01 biển số 66F1-545.64, chị Chánh đã nhận lại đầy đủ, không yêu cầu gì khác.

2/ Trả lại cho Võ Văn T 15.000.000 đồng.

S đã tác động chị ruột là Bùi Thị Lệ Tr bồi thường thiệt hại cho anh T 30.000.000 đồng, anh T đã nhận lại đủ tiền nên không yêu cầu gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, S khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai người liên quan, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định kỹ thuật hình sự.

Bản Cáo trạng số: 78/CT-VKSND-TPCL ngày 16 tháng 8 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Bùi Thanh S, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ

chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm d Khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S với mức án từ 2 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S với mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự cộng chung hình phạt của 02 tội lại đối với bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 6 năm 06 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Như phần quyết định cáo trạng đã nêu.

Bị cáo không không tranh luận, không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, cấu thành tội phạm và điều luật áp dụng:

Đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức do bị cáo Bùi Thanh S thực hiện. Sau khi sử dụng Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân giả thuê được xe mô tô SH Mode, biển số 66F1-545.64 trị giá 45.000.000 đồng của chị Võ Ngọc Công Ch đứng tên chủ sở hữu, do thiếu nợ không có khả năng chi trả nên S nảy sinh ý định đem thế chấp lấy tiền trả nợ. S thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên mình có biển số 66F1- 393.93 và biển số giả 66M1-393.93 gắn vào xe mô tô SH Mode, sau đó đem cầm cố cho anh Võ Văn T để chiếm đoạt số tiền 45.000.000 đồng vào ngày 25/02/2019, tại tổ 47, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh.

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử

dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận. Bị cáo thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra.

Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 314 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:..."

Điều 314 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

...

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng...."

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất lòng tin về các mối quan hệ trong xã hội, mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất với kết luận định giá chiếc xe bị cáo chiếm đoạt, đồng thời bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại xong. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 Sổ hộ khẩu giả số 200179360, họ và tên chủ hộ: Bùi Văn Quý, thường trú: Tổ 19, ấp Lợi An, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, Đồng

Tháp; 01 Giấy chứng minh nhân dân giả số 341630040, tên Bùi Thanh S, sinh ngày 1993, nơi ĐKKH thường trú: Lợi An, Thanh Mỹ, Tháp Mười, Đồng Tháp; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 010500, biển số 66F1-393.93, tên Bùi Thanh S, địa chỉ: Lợi An, Thanh Mỹ, Tháp Mười, Đồng Tháp.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Oppo màu vàng trắng của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại Nokia màu đen 059N039 là tài sản cá nhân, không liên quan đến việc phạm tội.

+ Trả lại cho anh Bùi Thanh Điền: 01 Giấy đăng ký xe số 0035687 cấp ngày 25/12/2006.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 Chứng minh nhân dân giả và 05 bản photo; 01 Giấy chứng minh photo tên Bùi Thanh S; 01 hợp đồng cầm đồ; 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái dịch vụ Minh Chánh; 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng ACB; 01 Giấy đăng ký xe số 0114170 cấp ngày 26/9/2004; 03 hợp đồng cầm cố Thủy Tỷ; 01 biển số giả 66M1-393.93; 01 biển số giả 65H1-189.05; 01 Giấy đăng ký xe mô tô photo chứng thực, biển số 66F1-545.64, tên Võ Ngọc Công Chánh, không còn giá trị sử dụng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh S phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự cộng chung hình phạt của 02 tội đối với bị cáo phải chấp hành là 5 (năm) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 Sổ hộ khẩu giả số 200179360, họ và tên chủ hộ: Bùi Văn Quý, thường trú: Tổ 19, ấp Lợi An, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp; 01 Giấy chứng minh nhân dân giả số 341630040, tên Bùi Thanh S, sinh ngày 1993, nơi ĐKKH thường trú: Lợi An, Thanh Mỹ, Tháp Mười, Đồng Tháp; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 010500, biển số 66F1-393.93, tên Bùi Thanh S, địa chỉ: LA, TM, Tháp Mười, Đồng Tháp.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Oppo màu vàng trắng của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại Nokia màu đen 059N039 là tài sản cá nhân, không liên quan đến việc phạm tội.

+ Trả lại cho anh Bùi Thanh Đ: 01 Giấy đăng ký xe số 0035687 cấp ngày 25/12/2006.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 Chứng minh nhân dân giả và 05 bản photo; 01 Giấy chứng minh photo tên Bùi Thanh S; 01 hợp đồng cầm đồ; 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái dịch vụ Minh Ch; 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng ACB; 01 Giấy đăng ký xe số 0114170 cấp ngày 26/9/2004; 03 hợp đồng cầm cố Thủy T; 01 biển số giả 66M1-393.93; 01 biển số giả 65H1-189.05; 01 Giấy đăng ký xe mô tô photo chứng thực, biển số 66F1-545.64, tên Võ Ngọc Công Ch, không còn giá trị sử dụng.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Bùi Thanh S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người liên quan vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan điều tra CA TP. Cao Lãnh;
- Nhà tạm giữ CA TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan THAHS CA TP. Cao Lãnh;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng

